

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TR
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022.

*“V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Quang Hoạch.

Ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1960.

Địa chỉ: xã Quảng Tiến, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Y có đơn xin vắng mặt, bà Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Nguyễn Văn Y trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Bích Th tự nguyện sống chung với nhau từ tháng 8 năm 1987, sống chung tại thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai (Nay là thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Khi về sống chung thì ông và bà Thủy không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới mà chỉ làm mấy mâm cơm giữa hai gia đình để công nhận về việc sống chung và

có sự công nhận của hai gia đình. Lý do không đăng ký kết hôn là do thiếu hiểu biết và do bà Thủy đã có thai trước khi hai bên gia đình biết.

Ông cam kết từ khi sống chung với bà Nguyễn Thị Bích Th đến nay thì ông và bà Nguyễn Thị Bích Th không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (phường) theo quy định.

Nay ông đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích Th.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 18/5/1988, Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 21/10/1989 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28/4/1997. Ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng của ông Nguyễn Văn Y.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr:**

- **Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:** Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về việc giải quyết vụ án:**

Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th tự nguyện sống chung với nhau từ tháng 8 năm 1987, sống chung tại thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai (Nay là thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Khi về sống chung thì ông Y và bà Thủy không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới mà chỉ làm mấy mâm cơm giữa hai gia đình để công nhận về việc sống chung và có sự công nhận của hai gia đình. Hiện cuộc sống chung của ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, ông Nguyễn Văn Y yêu cầu được ly hôn với bà Thủy. Việc ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ và chồng. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 18/5/1988, Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 21/10/1989 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28/4/1997. Ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th không có lời khai nên tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Án phí: Ông Nguyễn Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Y đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích Th, có địa chỉ cư trú tại: Tổ 5, ấp 5, xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Theo biên bản xác minh của Công an xã Sông Trầu, huyện Tr cung cấp thông tin: Hiện nay bà Nguyễn Thị Bích Th đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 5, ấp 5, xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tr có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/6/2022 ông Nguyễn Văn Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Bích Th vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân huyện Tr để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th tự nguyện sống chung với nhau từ khoảng tháng 8 năm 1987, sống chung tại thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai (Nay là thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Khi về sống chung thì ông Y và bà Thủy không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới mà chỉ được hai bên gia đình công nhận về việc sống chung. Hiện cuộc sống chung của ông Y và bà Thủy phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, ông Nguyễn Văn Y yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích Th.

Tại Công văn số: 18/UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng cho biết: Qua kiểm tra sổ hộ tịch và hồ sơ đăng ký hộ tịch từ năm 1988 đến năm 1997 không còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng.

Công văn số: 1202/CV-UBND ngày 16/6/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cho biết: Qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn

được lưu trữ tại địa phương từ năm 1987 đến nay không có tên ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th.

Biên bản xác minh ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr: Đại diện Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiến, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Từ năm 2011 đến nay ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiến, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

Biên bản xác minh ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr: Đại diện Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th không báo địa phương biết. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Việc ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ và chồng nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay ông Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích Th. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th.

Ông Nguyễn Văn Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Th, Tòa án thụ lý giải quyết xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn”. Tuy nhiên, ông Y và bà Thủy sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Căn cứ nhận định trên của Hội đồng xét xử quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

[3.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 18/5/1988, Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 21/10/1989 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 28/4/1997. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động, ông Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th không có lời khai nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 18/5/1988, Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 21/10/1989 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 28/4/1997. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Y khai để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do bà Nguyễn Thị Bích Th không có lời khai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Y khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do bà Nguyễn Thị Bích Th không có lời khai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ ông Nguyễn Văn Y nộp theo biên lai thu số 0000564 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn Y đã nộp đủ án phí.

6. Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Bích Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Sông Trầu, H. Tr;
- VKSND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

